

Số: 64/NQ-HĐND

Khánh Nhạc, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH NHẠC
KỲ HỌP THỨ 13 KHÓA XXVI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND xã Khánh Nhạc về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 52/NQ –HĐND ngày 01/11/2022 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Nhạc khóa XXVI, kỳ họp thứ 9 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 51/NQ –HĐND ngày 01/11/2022 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Nhạc khóa XXVI, kỳ họp thứ 9 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Xét Tờ trình số: 52/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của UBND xã về việc xin phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022. Kết quả thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022 với nội dung sau:

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1. Tổng quyết toán thu ngân sách: | 44.263.534.511 đồng. |
| - Các khoản thu xã được hưởng 100% : | 709.221.500 đồng. |
| - Các khoản phân chia theo tỷ lệ (%): | 28.986.258.680 đồng. |
| - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: | 13.497.659.300 đồng. |

- Thu chuyển nguồn từ năm 2021 sang: 1.070.395.031 đồng.
- 2. Tổng quyết toán chi ngân sách: 44.263.534.511 đồng.**
- Chi thường xuyên: 10.678.801.100 đồng.
- Chi đầu tư XD CB : 28.269.286.255 đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm 2023: 5.315.447.156 đồng.

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XXVI nhiệm kỳ 2022 - 2026 kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30/6/2023 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VP; KTNS xã.



BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 64/NQ - HĐND ngày 30/6/2023)

DVT: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	44,263,534,511	Tổng số chi	44,263,534,511
I. Các khoản thu hưởng 100%	709,221,500	I. Chi đầu tư phát triển	28,269,286,255
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	28,986,258,680	II. Chi thường xuyên	10,678,801,100
III. Thu bổ sung	13,497,659,300	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	5,315,447,156
- Bổ sung cân đối ngân sách	5,336,890,000		
- Bổ sung có mục tiêu	8,160,769,300		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả kinh phí cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1,070,395,031		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 69/NQ - HDND ngày 30/6/2023)

DVT: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	244,842,390,000	30,865,230,000	279,778,551,114	44,263,534,511	114.3	143.4
I. Các khoản thu 100%	443,100,000	443,100,000	709,221,500	709,221,500	160.1	160.1
- Phí, lệ phí, lệ phí môn bài	89,800,000	89,800,000	97,806,000	97,806,000	108.9	108.9
- Thu từ quỹ công ích và Thu hoa lợi công sản khác	338,300,000	338,300,000	479,361,500	479,361,500	141.7	141.7
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0		0			
- Thu GPMB	0		85,134,000	85,134,000		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	0		0			
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0		0			
- Thu khác	15,000,000	15,000,000	46,920,000	46,920,000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	239,027,400,000	25,050,240,000	264,501,275,283	28,986,258,680	110.7	115.7
1. Các khoản thu phân chia	239,027,400,000	25,050,240,000	264,501,275,283	28,986,258,680	110.7	115.7
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	181,200,000	126,840,000	142,403,581	104,678,193	78.6	82.5
- Thu tiền sử dụng đất	236,081,100,000	23,608,110,000	257,172,505,000	25,717,250,500	108.9	108.9
- Thuế GTGT và thuế TNDN	271,000,000	173,260,000	352,491,383	224,537,118	130.1	129.6
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	960,000,000	672,000,000	2,355,988,212	1,649,191,770	245.4	245.4
- Thuế thu nhập cá nhân	1,534,100,000	470,030,000	4,477,887,107	1,290,601,099	291.9	274.6
- Các khoản nộp chậm thuế						
2. Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0		0			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0		0			
IV. Thu chuyển nguồn			1,070,395,031	1,070,395,031		

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	0		0			
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,371,890,000	5,371,890,000	13,497,659,300	13,497,659,300	251	251
- Bổ sung cân đối ngân sách	5,336,890,000	5,336,890,000	5,336,890,000	5,336,890,000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	35,000,000	35,000,000	8,160,769,300	8,160,769,300	23,316	23,316

Tỉnh (TP): Ninh Bình
 Huyện: Yên Khánh
 Xã Khánh Nhạ

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
 (Biểu kèm theo Nghị quyết số: 6/NQ - HĐND ngày 30/6/2023)

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh TH/DT(%)			
	Tổng số	ĐIPTS	TX	Tổng số	ĐIPTS	TX	Tổng số	ĐIPTS	TX	
	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4	
1										
Tặng chi	30,865,230,000	23,608,110,000	6,906,990,000	44,263,534,511	28,269,286,255	10,678,801,100	143.4	119.7	154.6	
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn XH	507,747,000		507,747,000	599,737,000	0	599,737,000	118.1		118.1	
- Chi dân quân tự vệ	430,257,000		430,257,000	522,247,000		522,247,000	121.4		121.4	
- Chi trật tự an toàn XH	77,490,000		77,490,000	77,490,000		77,490,000	100.0		100.0	
2. Chi giáo dục	5,217,911,000	5,022,044,000	195,867,000	9,328,953,255	9,049,086,255	279,867,000	178.8	180.2	142.9	
3. Chi y tế	1,625,280,000	1,500,000,000	125,280,000	1,445,138,800	1,298,651,000	146,487,800	88.9		116.9	
4. Chi văn hoá, thông tin	591,417,000	446,812,000	144,605,000	601,230,000	446,630,000	154,600,000	101.7		106.9	
5. Chi phát thanh, truyền thanh	453,943,000	418,480,000	35,463,000	903,815,000	868,480,000	35,335,000	199.1		99.6	
6. Chi thể dục, thể thao	28,638,000		28,638,000	28,400,000		28,400,000	99.2		99.2	
7. Chi bảo vệ môi trường	94,500,000		94,500,000	278,888,000		278,888,000	295.1		295.1	
8. Chi các hoạt động kinh tế	9,341,758,000	9,164,098,000	177,660,000	11,555,864,000	9,550,630,000	2,005,234,000	123.7		1,128.7	
- Giao thông	9,164,098,000	9,164,098,000		9,550,630,000	9,550,630,000		104.2			
- Nông - lâm - thủy - hải sản	177,660,000		177,660,000	2,005,234,000		2,005,234,000	1,128.7		1,128.7	
- Thương mại, du lịch										
- Các hoạt động kinh tế khác	0			0						
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	10,908,330,000	5,618,410,000	5,289,920,000	11,876,408,300	5,618,186,000	6,258,222,300	108.9	100.0	118.3	
9.1 Quản lý Nhà nước	8,199,922,000	5,618,410,000	2,581,512,000	8,899,788,000	5,618,186,000	3,281,602,000	108.5		127.1	
9.2 Chi Hội đồng nhân dân	365,248,800		365,248,800	349,897,200		349,897,200	95.8		95.8	
9.3 Đảng cộng sản Việt Nam	1,064,456,000		1,064,456,000	1,307,769,900		1,307,769,900	122.9		122.9	
9.4 Mặt trận tổ quốc Việt Nam	317,299,200		317,299,200	333,390,700		333,390,700	105.1		105.1	

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh TH/DT(%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
9.5 Đoàn thanh niên CSHCM	232,111,000		232,111,000	249,468,600		249,468,600	107.5		107.5
9.6 Hội Liên hiệp phụ nữ	203,541,000		203,541,000	203,542,200		203,542,200	100.0		100.0
9.7 Hội Cựu chiến binh	190,061,000		190,061,000	194,263,800		194,263,800	102.2		102.2
9.8 Hội nông dân	212,111,000		212,111,000	209,457,900		209,457,900	98.7		98.7
9.9 Chi cho các hiệp hội khác	123,580,000		123,580,000	128,830,000		128,830,000	104.2		104.2
10. Chi cho công tác xã hội	1,745,576,000	1,438,266,000	307,310,000	2,329,653,000	1,437,623,000	892,030,000	133.5		290.3
- Lương hưu, BHYT và trợ cấp khác	242,870,000		242,870,000	249,420,000		249,420,000	102.7		102.7
- Chi xã hội khác, thăm hỏi, đàm hiếu...	1,502,706,000	1,438,266,000	64,440,000	2,080,233,000	1,437,623,000	642,610,000	138.4		997.2
11. Tiết kiệm 10% chi TX	208,140,000								
12. Dự phòng	141,990,000								
13. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				5,315,447,156		5,315,447,156			

Tỉnh Ninh Bình
Huyện Yên Khánh
Xã Khánh Nhạ

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Biểu kèm theo Nghị quyết số 67/NQ - HĐND ngày 30/6/2023)

ĐVT: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Giá trị đã thanh toán năm			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
A	1	2	3	4	5	6	7	8
XD hệ thống rãnh thoát nước via hệ đường ĐT 483 qua khu trung tâm		3,500,000,000		1,157,100,000	1,157,100,000		1,157,100,000	
CT XD các tuyến đường giao thông 1B,3C, 4A, 4B, 5A, 5B, 6		8,415,000,000		761,699,000	761,699,000		761,699,000	
XD tuyến đường từ ĐT.483 đến sông Kỳ Giang (thuộc xóm 4, xóm 6), rãnh thoát nước xóm 10		6,900,000,000		2,567,072,000	2,567,072,000		2,567,072,000	
Xây dựng trường Mầm non xóm 5 xã Khánh Nhạ		8,500,000,000		3,334,740,255	3,334,740,255		3,334,740,255	
Cải tạo nâng cấp trụ sở HĐND - UBND xã Khánh Nhạ		14,300,000,000		4,394,884,000	4,394,884,000		4,394,884,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường GT xóm 1 và xóm 2A		1,061,298,000		301,030,000	301,030,000		301,030,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường GTNT xóm 3B		1,130,000,000		455,707,000	455,707,000		455,707,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 4A		1,050,270,000		203,465,000	203,465,000		203,465,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 5A, 5B, 6		1,088,597,000		213,932,000	213,932,000		213,932,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 7,8		1,070,491,000		233,678,000	233,678,000		233,678,000	
Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 10A, 10B		1,125,616,000		351,635,000	351,635,000		351,635,000	
XD nhà hiệu bộ 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS		9,000,000,000		4,402,482,000	4,402,482,000		4,402,482,000	
Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang nhà văn hoá khu dân cư trên địa bàn xã		1,450,000,000		446,630,000	446,630,000		446,630,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt			Giá trị đã thanh toán năm			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp	Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học B xã Khánh Nhạc		3,000,000,000		97,622,000	97,622,000		97,622,000	
Phụ trợ trường tiểu học A Khánh Nhạc		4,000,000,000		1,191,827,000	1,191,827,000		1,191,827,000	
Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Khánh Nhạc		3,000,000,000		1,298,651,000	1,298,651,000		1,298,651,000	
Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Khánh Nhạc		4,000,000,000		1,437,623,000	1,437,623,000		1,437,623,000	
Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước từ đường DT.481B qua khu dân cư xóm 8 xã Khánh Nhạc		1,117,878,000		1,092,999,000	1,092,999,000		1,092,999,000	
Lắp đặt biển báo giao thông, cắm mốc lộ giới các tuyến đường trục chính và hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Khánh Nhạc		1,120,000,000		1,119,997,000	1,119,997,000		1,119,997,000	
XD nhà đa năng và sửa chữa một số hạng mục trường THCS xã Khánh Nhạc		5,000,000,000		22,415,000	22,415,000		22,415,000	
Lập quy hoạch chung xây dựng xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh đến năm 2020		770,000,000		150,000,000	150,000,000		150,000,000	
Xây dựng hệ thống loa truyền thanh xã Khánh Nhạc		950,000,000		868,480,000	868,480,000		868,480,000	
Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước từ xóm 3B đến vùng xóm 10A xã Khánh Nhạc		1,119,680,000		1,092,316,000	1,092,316,000		1,092,316,000	
Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm xã Khánh Nhạc		1,112,913,000		1,073,302,000	1,073,302,000		1,073,302,000	
Cộng		83,781,743,000		28,269,286,255	28,269,286,255		28,269,286,255	

**BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
NĂM 2022**

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: /NQ - HĐND ngày 30/6/2023)

ĐVT: đồng

Nội dung	Kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+),(-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+),(-)
Tổng số						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
1.1 Quỹ an sinh xã hội	293,990,851	130,550,000	163,440,851	293,990,851	130,550,000	163,440,851
1.2. Quỹ An ninh quốc phòng						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+ Đò						

Số: 65 /NQ - HĐND

Khánh Nhạc, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn giảm nợ các công trình xây dựng cơ bản

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH NHẠC KHÓA XXVI KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND xã Khánh Nhạc về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 52/NQ -HĐND ngày 01/11/2022 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Nhạc khóa XXVI, kỳ họp thứ 9 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 51/NQ -HĐND ngày 01/11/2022 của Hội đồng nhân dân xã Khánh Nhạc khóa XXVI, kỳ họp thứ 9 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Xét Tờ trình số: 54/TTr - UBND ngày 20/6/2023 của UBND xã Khánh Nhạc về việc giảm nợ các công trình xây dựng cơ bản; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định giảm nợ các công trình xây dựng cơ bản như sau:

1. Giảm nợ XDCB công trình: Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 4A xã Khánh Nhạc, số tiền: 4.618.000 đồng.

Nguyên nhân giảm: Căn cứ Quyết định số 99a/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nâng cấp cải tạo các tuyến đường giao thông xóm 4A xã Khánh Nhạc; Căn cứ theo hồ sơ nghiệm thu khối lượng của công trình.

- Chi phí Quản lý theo HĐ: 24.618.000 đồng

- Giá trị đã thanh toán lần 01: 20.000.000 đồng

- Chi phí Quản lý dự án còn lại của công trình là: **4.618.000** đồng (*Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) do Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng 1168 thực hiện.

Nhưng do Công ty không lấy chi phí Quản lý dự án còn lại trên nên không làm hồ sơ thanh toán lần 02. Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng 1168 đồng ý xoá nợ chi phí tư vấn Quản lý dự án còn lại của công trình giá trị là **4.618.000** đồng (*Bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*).

2. Giảm nợ XDCB công trình: Nâng cấp cải tạo đường giao thông nông thôn xóm 5A, 5B, 6, xã Khánh Nhạc, số tiền: 3.657.000 đồng.

Nguyên nhân giảm: Căn cứ Quyết định số 70a/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Nâng cấp cải tạo đường giao thông nông thôn xóm 5A, 5B, 6, xã Khánh Nhạc xã Khánh Nhạc; Căn cứ theo hồ sơ nghiệm thu khối lượng của công trình:

- Chi phí Quản lý theo HĐ: 26.015.000 đồng
- Giá trị đã thanh toán lần 01: 22.358.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án còn lại của công trình là: **3.657.000** đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) do Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng 1168 thực hiện.

Nhưng do Công ty không lấy chi phí Quản lý dự án còn lại trên nên không làm hồ sơ thanh toán lần 02. Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng 1168 đồng ý xoá nợ chi phí tư vấn Quản lý dự án còn lại của công trình giá trị là **3.657.000** đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XXVI nhiệm kỳ 2022 - 2026 kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30/6/2023 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VP; KTNS xã.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tám